

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H N
TỈNH N A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 01 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H N, TỈNH N A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Tú;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải và bà Nguyễn Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Trà My, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H N, tỉnh N A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H N, tỉnh Nghệ An: Bà Nguyễn Thị Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H N, tỉnh N A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2021/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị T N Q; sinh năm: 1997. Nơi ĐKHKT: Xóm X, xã L X, huyện H N. Có mặt.

- Bị đơn: Anh N T T, sinh năm 1991. Nơi ĐKHKT: Xóm X, xã L X, huyện H N. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 08 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị T N Q trình bày: Chị và anh N T T đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/2018 tại UBND xã H L (nay là xã L X), huyện H N, tỉnh N A. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, đã nhiều lần được gia đình hai bên hòa giải nhưng không khắc phục được tình trạng giữa hai vợ chồng. Hiện tại chị và anh T đã sống ly thân 05

tháng, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh T để giải phóng cho nhau. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là N N B H, sinh ngày 06/12/2019. Nguyên vọng của chị sau ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh N T T trình bày: Thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn giữa anh và chị T N Q đúng như chị Q trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị cũng có xảy ra một số mâu thuẫn nhưng anh nhận thấy mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Nay chị Q yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với vợ, muốn quay lại để đoàn tụ cuộc sống gia đình. Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung đúng như chị Q trình bày. Hiện con đang còn nhỏ nên anh nhường quyền nuôi con cho chị Q. Về tài sản chung và các khoản nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T N Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị T N Q được ly hôn anh N T T. Về con chung: Giao con chung tên là N N B H, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2019 cho chị T N Q trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N T T vì chị Q chưa yêu cầu. Về án phí: Buộc chị T N Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn anh N T T có hộ khẩu thường trú tại xóm X, xã L X, huyện H N, tỉnh N A. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện H N, tỉnh N A thụ

lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đã tổng đạt trực tiếp cho anh T, tuy nhiên anh Trug không hợp tác và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện H N, tỉnh N A tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T N Q và anh N T T đăng ký kết hôn ngày 205/11/2018 tại UBND xã H L(nay là xã L X), huyện H N, tỉnh N A là không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T N Q cương quyết ly hôn vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không, anh N T T mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng không đạt kết quả, chị Q vẫn cương quyết ly hôn .

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T N Q được ly hôn anh N T T.

[3]. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng nuôi được nuôi con chung của chị T N Q là chính đáng. Cháu N N B H dưới 36 tháng tuổi nên cần được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao con chung tên là N N B H, sinh ngày 06/12/2019 cho chị Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

[4]. *Về tài sản chung và khoản nợ*: Chị T N Q và anh N T T không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Chị T N Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm

a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị T N Q được ly hôn anh N T T.

2. *Về con chung*: Giao con chung là N N B H, sinh ngày 06/12/2019 cho chị T N Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N T T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con thì các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí*: Chị T N Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Q đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện H N theo biên lai thu tiền số 0003815 ngày 13 tháng 10 năm 2021. Chị Q đã nộp đủ.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N A trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N A;
- VKSND huyện H N;
- THADS huyện H N
- Đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Quốc Tú